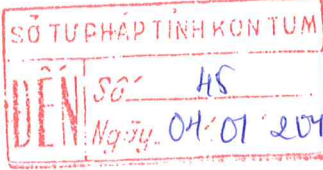


Số: 58 /2016/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước
về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Kon Tum



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/09/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống;

Căn cứ Quyết định số 1290/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phân công, phân cấp trong hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 45/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm trong

quá trình sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08./01./2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về VSATTP;
- Các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Cục An toàn thực phẩm;
- Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP UBND tỉnh, PVP phụ trách;
- Lưu: VT, KGVX3, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Kon Tum
(Ban hành kèm theo Quyết định số **58** /2016/QĐ-UBND ngày **30/12/2016**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định trách nhiệm quản lý, công tác phối hợp, nội dung phối hợp giữa Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

2. Những nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm không quy định trong Quy chế này, các cơ quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của Bộ quản lý ngành để thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của tỉnh.
2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mục đích phối hợp

1. Tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan.
2. Thống nhất sự chỉ đạo từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện, tuyến xã nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.
2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.
3. Phối hợp trong phòng ngừa, khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Chấp hành sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

2. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

3. Bảo đảm nguyên tắc một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước.

4. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo danh mục quy định (*các phụ lục kèm theo*).

5. Đối với cơ sở sản xuất, chế biến nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ hai Bộ trở lên, trong đó có sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế thì Sở Y tế chịu trách nhiệm quản lý theo phân cấp.

6. Đối với cơ sở sản xuất, chế biến nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý theo phân cấp.

7. Đối với cơ sở kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ hai Bộ trở lên (bao gồm cả chợ và siêu thị) thì Sở Công Thương chịu trách nhiệm quản lý theo phân cấp; trừ chợ đầu mối, đấu giá nông sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

8. Sở Y tế chịu trách nhiệm quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

9. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết hoặc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Chương II

PHỐI HỢP THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 6. Xây dựng kế hoạch, quy hoạch về an toàn thực phẩm

1. Sở Y tế - Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm tỉnh chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, tham mưu xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm tỉnh; đồng thời là đầu mối tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch, quy hoạch về an toàn thực phẩm của tỉnh.

3. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương xây dựng kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý và gửi về Sở Y tế (*qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm*) để tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm

1. Sở Y tế chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Phụ lục 1 và Khoản 5, Khoản 8 Điều 5 Quy chế này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Phụ lục 2 và Khoản 6 Điều 5 Quy chế này.

3. Sở Công Thương chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Phụ lục 3 và Khoản 7 Điều 5 Quy chế này.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG THANH TRA, KIỂM TRA

VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 8. Nguyên tắc phối hợp trong thanh tra, kiểm tra

1. Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan.

a) Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương chủ trì tổ chức, thực hiện việc thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm theo quy định.

b) Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tham gia phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm theo đề nghị của cơ quan chủ trì thực hiện hoặc theo yêu cầu của Ban chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm tỉnh.

2. Hoạt động thanh tra, kiểm tra phải bảo đảm thống nhất, không chồng chéo. Trong trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch thanh tra, kiểm tra thì thực hiện như sau:

a) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp dưới trùng với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp trên.

b) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cùng cấp trùng nhau về địa bàn cơ sở thì các bên trao đổi thống nhất thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành.

3. Thực hiện theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật trong hoạt động thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan chủ trì việc thanh tra, kiểm tra phải thông báo bằng văn bản kết quả phối hợp thanh tra, kiểm tra cho cơ quan tham gia phối hợp.

5. Thực hiện việc chia sẻ thông tin giữa các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương từ lập kế hoạch đến thực hiện thanh tra và kết quả thanh tra để đảm bảo công tác phối hợp thực hiện.

6. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, thống nhất giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Trường hợp không thống nhất, báo cáo Ban chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm tỉnh để xin ý kiến giải quyết.

Điều 9. Phối hợp trong việc thanh tra, kiểm tra liên ngành

1. Trường hợp tiến hành thanh tra, kiểm tra liên ngành thì Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, các cơ

quan, đơn vị liên quan tổ chức và phân công thực hiện kiểm tra tất cả các sản phẩm, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm của các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương.

2. Khi có đề nghị của cơ quan chủ trì về việc thanh tra, kiểm tra thì cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử cán bộ để tham gia.

3. Việc phát ngôn, cung cấp thông tin về hoạt động thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm cho các cơ quan thông tin đại chúng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phát ngôn và cung cấp thông tin.

Chương IV

PHỐI HỢP TRONG PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN, KHẮC PHỤC SỰ CỐ VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC THỰC PHẨM

Điều 10. Phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc thực phẩm

1. Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương chủ động tổ chức thực hiện chương trình giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn sự cố về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Khi xảy ra ngộ độc thực phẩm, Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức cấp cứu, điều trị kịp thời cho người bị ngộ độc thực phẩm; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin liên quan tới nguồn gốc thực phẩm nghi ngờ ngộ độc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý; phối hợp Sở Y tế điều tra nguyên nhân và giám sát điều tra căn nguyên, tiến hành truy xuất nguồn gốc và xử lý thực phẩm gây ngộ độc.

Điều 11. Truyền thông, thông tin về an toàn thực phẩm

1. Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương xây dựng kế hoạch truyền thông, cảnh báo mối nguy về an toàn thực phẩm trong thẩm quyền quản lý được giao. Chú trọng tuyên truyền trong các đợt cao điểm như Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm, Tết Trung thu...

2. Việc thông tin, phát ngôn về sự cố an toàn thực phẩm cho các cơ quan thông tin đại chúng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Chế độ họp, báo cáo

1. Định kỳ 06 tháng/lần, Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương tổ chức họp để đánh giá kết quả thực hiện chương trình, lập kế hoạch và đề ra phương hướng nhiệm vụ thời gian tới; báo cáo,

đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

Thời gian họp định kỳ: Từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 7 và từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 12 hàng năm.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương báo cáo định kỳ 03 tháng, 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất những vấn đề liên quan đến việc triển khai thực hiện Quy chế này về Sở Y tế (*qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm*).

Thời gian gửi báo cáo định kỳ trước ngày 20 của tháng cuối cùng trong quý, năm và theo yêu cầu của các đợt cao điểm, đột xuất trong năm.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương có trách nhiệm tổ chức, kiểm tra, giám sát và hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này; các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về Sở Y tế (*qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm*) để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM,
HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ
(Kèm theo Quyết định số 58 /2016/QĐ-UBND ngày 30 /12/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ
4	Thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm có yêu cầu bảo quản sản phẩm đặc biệt	Cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ
5	Bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm	Thuộc phạm vi quản lý của ngành Y tế trên địa bàn
6	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	Trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục 2
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM,
HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
I		
Chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc thực vật		
1	Trồng trọt (kể cả hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cơ sở trồng trọt, kể cả hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt (lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết). - Thanh tra chuyên ngành và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định
2	Sơ chế, chế biến độc lập	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cơ sở, lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết (trừ cơ sở do cơ quan trung ương thực hiện). - Thanh tra chuyên ngành và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.
3	Lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc thực vật. - Thực hiện lấy mẫu giám sát, truy xuất nguồn gốc và xử lý vi phạm. - Thanh tra chuyên ngành và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.
II		
Chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc động vật (trừ sản phẩm thủy sản)		
1	Chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cơ sở chăn nuôi, lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết. - Thanh tra chuyên ngành và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.
2	Giết mổ, sơ chế	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cơ sở, lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết (trừ cơ sở do cơ quan trung ương thực hiện). - Thanh tra chuyên ngành và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

3	Chế biến (giò, chả, thịt hộp, hàng khô, hun khói, ướp muối...)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cơ sở, lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết (trừ cơ sở do cơ quan trung ương thực hiện). - Thanh tra chuyên ngành và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.
4	Lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật (lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết). - Thanh tra chuyên ngành và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định. - Thực hiện lấy mẫu giám sát, truy xuất nguồn gốc và xử lý vi phạm.
5	Xuất khẩu, nhập khẩu	Truy xuất, xử lý vi phạm theo quy định, theo cảnh báo của cơ quan trung ương
III Chuỗi thực phẩm thủy sản		
1	Nuôi trồng	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cơ sở nuôi trồng (lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết). - Thanh tra chuyên ngành và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định
2	Khai thác/đánh bắt	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tàu cá, cảng cá (lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết). - Thanh tra chuyên ngành và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.
3	Thu mua, sơ chế, chế biến (bao gồm cả tàu cá chế biến), kho lạnh độc lập.	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cơ sở, lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết (trừ cơ sở do cơ quan trung ương thực hiện). - Thanh tra chuyên ngành và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.
4	Lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập).	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên kinh doanh thực phẩm thủy sản. - Thanh tra chuyên ngành và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

		- Thực hiện lấy mẫu giám sát, truy xuất nguồn gốc và xử lý vi phạm.
5	Xuất khẩu, nhập khẩu	Truy xuất, xử lý vi phạm theo quy định, theo cảnh báo của cơ quan trung ương
IV	Sản phẩm hỗn hợp, phối chế, cơ sở sản xuất nước đá dùng cho bảo quản chế biến nông, lâm thủy sản	
	Sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn liền với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản, lưu thông, tiêu thụ, xuất nhập khẩu; nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cơ sở, lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết (trừ cơ sở do cơ quan Trung ương thực hiện). - Thanh tra chuyên ngành và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định. - Truy xuất, xử lý vi phạm theo quy định, theo cảnh báo của cơ quan Trung ương



Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM,
HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 58 /2016/QĐ-UBND ngày 30 /12/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Bia	Công suất thiết kế dưới 50.000.000 lít sản phẩm/năm
II	Rượu	Không bao gồm sản phẩm rượu bổ do Bộ Y tế quản lý Công suất thiết kế dưới 3.000.000 lít sản phẩm/năm
III	Nước giải khát	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết do Bộ Y tế, Sở Y tế quản lý Công suất thiết kế dưới 20.000.000 lít sản phẩm/năm
IV	Sữa chế biến	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế, Sở Y tế quản lý Công suất thiết kế dưới 20.000.000 lít sản phẩm/năm
V	Dầu thực vật	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế, Sở Y tế quản lý Công suất thiết kế dưới 50.000 tấn sản phẩm/năm
VI	Bột, tinh bột	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế, Sở Y tế quản lý Công suất thiết kế dưới 100.000 tấn sản phẩm/năm
VII	Bánh, mứt, kẹo	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế, Sở Y tế quản lý Công suất thiết kế dưới 20.000 tấn sản phẩm/năm
VIII	Dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm trên.	

